TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2018
V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Dũng

2. Ông Bành Trọng Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Thúy V,** sinh năm 1986, có mặt

Địa chỉ thường trú: Số B, đường L, tổ A, phường T, thành phố P, Gia Lai.

Chỗ ở: Số C, thôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh **Phạm Viết T**, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ thường trú: Số B, đường L, tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Chỗ ở: Trại giống Binh đoàn A, thôn B, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Thái Thị Thúy V trình bày:

Chị V và anh Phạm Viết T chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/02/2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau, đôi khi cũng xảy ra đánh nhau, bất đồng trong quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình, hiện nay chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2017 cho đến nay. Chị V nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nếu tiếp tục chung sống với nhau cũng không hạnh phúc, chỉ làm tổn thương nhau và ảnh hưởng đến con cái nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị V và anh T có 01 con chung là Phạm Hà L – SN: 06/01/2010. Khi ly hôn chị V xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với mức 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng)/ tháng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị V và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Phạm Viết T trình bày:

Anh T và chị Thái Thị Thúy V chung sống với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/02/2009. Trong cuộc sống thì anh T và chị V thỉnh thoảng cũng có mâu thuẫn nhưng những lần mâu thuẫn đó lại ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, một lý do nữa là vì anh T và chị V hiện nay đang ở xa nhau hai người công tác ở hai nơi, khoảng cách địa lý cũng ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và hiện tại anh T và chị V sống ly thân từ tháng 03 năm 2017 cho đến nay. Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T không đồng ý vì anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh T vẫn còn yêu thương vợ con, anh T muốn chị V rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Anh T và chị V có 01 con chung là Phạm Hà L – Sinh ngày 06/01/2010. Nếu Tòa án giải quyết cho anh T và chị V ly hôn thì anh T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện

Ea Súp đúng theo trình tự quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51 khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thúy V đối với anh Phạm Viết T, về con chung giao con chung cho chị Thái Thị Thúy V nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Thúy V yêu cầu ly hôn với anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ea Súp thụ lý giải quyết là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Thúy V và anh Phạm Viết T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 09/02/2009, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thái Thị Thúy V và anh Phạm Viết T thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, hiện anh T, chị V đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2017 cho đến nay và hiện tại anh T chị V mỗi người sinh sống và công tác ở hai địa phương khác nhau nên khó có cơ hội đoàn tụ gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Thái Thị Thúy V và anh Phạm Viết T có 01 con chung là Phạm Hà L – Sinh ngày: 06/01/2010, nguyện vọng của cháu L sau khi chị V và anh T ly hôn là cháu muốn được ở với chị V, điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L của chị V cũng đáp ứng được, anh T công tác tại Binh đoàn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên ít có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận giao cháu L cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000^{đ} (Ba triệu đồng)/1 tháng là cao so với quy định của pháp luật nên cần xem xét giảm mức cấp dưỡng nuôi con bằng một tháng lương cơ sở 1.300.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị V và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc chị Thái Thị Thúy V chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm viết T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị Thúy V.

[1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Thái Thị Thúy V được ly hôn với anh Phạm Viết T.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm Hà L, sinh ngày 06/01/2010 cho chị Thái Thị Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Phạm Viết T phải cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng (Một triệu đồng ba trăm ngàn đồng)/1 tháng kể từ tháng 06 năm 2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị V không được quyền ngăn cản anh T đến thăm non, chăm sóc con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Chị Thái Thị Thúy V và anh Phạm Viết T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí*:* Chị Thái Thị Thúy V phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0004309 ngày 04/12/2017. Anh Phạm Viết T phải chịu 300.000[đ] (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, Đắk Lắk.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ea Súp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm